

KỶ LỤC TIỀN GIANG

TS Nguyễn Phúc Nghiệp

Từ Dũ: Vị Thái hậu sống thọ nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam

Từ Dũ (có sách chép là Từ Dụ) có tên thật là Phạm Thị Hằng, sinh năm 1810 tại giồng Sơn Quy, nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Thân phụ của bà là Thượng thư bộ Lễ Phạm Đăng Hưng – một đại công thần của triều Nguyễn. Bà là hoàng phi của vua Thiệu Trị và là người hạ sinh ra hoàng tử Nguyễn Phúc Hồng Nhậm; sau này là vua Tự Đức.

Vốn là người thông tuệ, bà rất chú trọng đến việc giáo dục vua Tự Đức, nhất là đạo làm vua, đạo làm người. Trong việc dùng người của vua Tự Đức, bà thường nhắc nhà vua phải trọng dụng những người có đức, có tài, mẫn cán tận tụy, hết lòng vì nước vì dân.

Mặc dù ở ngôi cao, nhưng bà là một phụ nữ rất khiêm tốn. Bà luôn tìm cách từ chối những danh hiệu và nghi lễ tôn vinh dành riêng cho mình. Các lễ chúc thọ ngũ tuần (50 tuổi), lục tuần (60 tuổi); lấy lý do là mùa màng thất bát, dân còn nghèo khổ, bà không cho triều đình tổ chức. Trong cuộc đời của mình, bà chỉ có hai lần tấn tôn mỹ hiệu; mà hai lần đó đều nằm trong tình thế chẳng đáng mừng. Đó là năm 1848, khi vua Thiệu Trị băng hà, hoàng tử Hồng Nhậm lên ngôi, tấn phong bà là “Từ Dũ Bác huệ Thái hoàng thái hậu”. Lần thứ hai, năm 1890, trong dịp chúc thọ bát tuần (80 tuổi), bà được vua Thành Thái tấn phong tôn hiệu là “Từ Dũ Bác huệ Khương thọ Thái thái hoàng thái hậu”.

Nghiêm khắc với bản thân và con cái, nhưng bà lại rất thương dân. Năm 1898, do thiên tai nên dân ở nhiều nơi bị đói kém.

Cảm thông với nỗi khổ của dân, bà đứng ra xin miễn, giảm thuế cho họ. Hiện nay, ở Huế còn lưu truyền bài vè dài đến 700 câu ca ngợi công đức đó của bà.

Năm 1902, bà mất tại kinh thành Huế, thọ 92 tuổi. Triều thần tôn thụy bà là “Nghi thiên Tán thánh Từ Dũ Bác huệ Trai túc huệ đạt Thọ đức Nhân công Chương hoàng hậu”, gọi tắt là “Từ Dũ Nghi thiên Chương hoàng hậu”.

Hồ Biểu Chánh: Nhà văn có nhiều tác phẩm nhất Việt Nam

Hồ Biểu Chánh có tên thật là Hồ Văn Trung, tự là Thứ Tiên, sinh năm 1885 tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công cũ (nay thuộc xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Từ khi bắt đầu nghiệp cầm bút (1910) cho đến lúc cuối đời (1958), ông đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ, gồm 63 bộ tiểu thuyết, 3 truyện ngắn, 7 đoản thiên, 2 tập thơ, 5 hài kịch, 4 vở hát bội, 3 vở cải lương, 5 tác phẩm tùy bút và phê bình, 6 tập hồi ức, 8 bài diễn thuyết, 23 tác phẩm khảo cứu và văn học. Có thể kể những tác phẩm chính của ông, như: *Ai làm được* (1912), *Chúa tàu Kim Quy* (1922), *Cay đắng mùi đời*, *Tình mộng*, *Một chữ tình* (1923), *Nhân tình ấm lạnh*, *Tiền bạc bạc tiền*, *Ngọn cỏ gió đùa* (1925), *Thầy thông ngôn* (1926), *Cha con nghĩa nặng* (1929), *Nặng gánh cang thường*, *Con nhà nghèo* (1930), *Con nhà giàu* (1931), *Nợ đời* (1936), v.vvv Tác phẩm của ông được nhiều thế hệ độc giả ở Nam bộ mến chuộng. Nhiều quyển được tái bản nhiều lần và được dựng thành phim.

Ngoài ra, ông còn làm báo. Từ năm 1910-1941, ông là người sáng lập ra các tờ *Đại Việt tạp chí*, *Tribune Indigène* (tạm dịch *Diễn đàn Bản xứ*), *Nam kì tuần báo*.

Khi ông mất, hai nhà thơ Đông Hồ và Mộng Tuyết đã lấy tên những tác phẩm tiêu biểu của ông sáng tác thành hai câu đối độc đáo đến phúng viếng:

Cay Đắng Mùi Đời, Con Nhà Nghèo, Con Nhà Giàu, tiểu thuyết viết sáu mươi ba thiên, *Vi Nghĩa Vi Tình, Ngọn Cỏ Gió Đùa, Tình Mộng, Mấy Ai Làm Được?*

Cang thường nặng gánh, cơn *Khóc thầm*, cơn *Cười gương*, thanh cần trải bảy mươi bốn tuổi, *Thiệt Gia Gia Thiệt, Vườn Văn Xưa Ghé Mất, Đoạn Tình còn Ở Theo Thời.*

Phùng Há: Nữ nghệ sĩ cải lương sống thọ nhất

Nữ nghệ sĩ Nhân dân Phùng Há. tên thật là Trương Phụng Hảo, sinh năm 1911, tại làng Điều Hoà, tỉnh Mỹ Tho (nay là Tp.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Năm 13 tuổi, bà chính thức đi hát cho gánh hát Tái Đồng Ban ở Mỹ Tho. Do có năng khiếu công với sự trao dồi, rèn luyện không ngừng vì nghệ thuật, nên chẳng mấy chốc, tên tuổi của bà đã được nhiều nơi biết đến và là đào chánh của nhiều gánh hát lớn lúc bấy giờ.

Năm 1932, bà cùng với nữ nghệ sĩ Năm Phi lập gánh Phi Long. Năm 1935, bà tự mình lập gánh Phụng Hảo; tiếp theo là Vân Hảo và sau cùng là Hảo Cúc Lan. Bà là một diễn viên đa năng, đóng xuất sắc các loại tuồng phông theo truyện tàu lẫn loại tuồng tâm lý xã hội. Khán giả lớn tuổi vẫn còn nhớ đến bà qua các vai cô Lựu trong vở *Đời Cô Lựu*, *Mạnh Lệ Quân* trong vở *Mạnh Lệ Quân* thoát hài, *Vương nữ* trong vở *Mộng Hoa Vương*, *Kiều Nhan* trong vở *Máu nhuộm Phụng hoàng* cung, *Lữ Bố* trong vở *Phụng Nghi Đình*...

Ngoài ra, bà rất năng nổ trong hoạt động xã hội và có uy tín lớn trong giới nghệ sĩ cải lương. Trước năm 1975, bà được bầu vào chức vụ Hội trưởng Hội Nghệ sĩ Ái hữu

tương tế trong nhiều năm liền. Đây là một tổ chức cách mạng hoạt động công khai dưới hình thức văn nghệ ở Sài Gòn từ năm 1948-1975. Sau ngày đất nước thống nhất, bà là cố vấn cho Ban Ái hữu Nghệ sĩ TP HCM, khu dưỡng lão nghệ sĩ và chùa Nghệ sĩ ở Gò Vấp (TP HCM). Bà đã từng là giảng viên của trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Sài Gòn (trước năm 1975), Trường Nghệ thuật sân khấu II TP HCM (sau năm 1975).

Cả một đời cống hiến không mệt mỏi cho nghệ thuật cải lương, bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: Nghệ sĩ Nhân dân. Đến năm 2004, bà đã được 93 tuổi.

Lê Thị Nam: Nữ soạn giả cải lương đầu tiên ở Việt Nam

Bà Lê Thị Nam có nghệ danh Bảy Nam, sinh năm 1913 ở làng Điều Hòa, tỉnh Mỹ Tho (nay là thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình công chức.

Năm 1927 bà chính thức gia nhập vào làng cải lương trong gánh hát của người chị thứ 5 là nghệ sĩ Năm Phi. Năm 19 tuổi, bà đã thành lập gánh Nam Hưng, trở thành nữ bầu gánh trẻ tuổi nhất trong lịch sử cải lương Việt Nam. Không chỉ thế, bà còn là nữ soạn giả đầu tiên ở nước ta với gần 20 vở cải lương nổi tiếng: *Nỗi đau lòng mẹ*, *Tiêu Anh Phụng loạn trào*, *Người đàn bà Việt Nam*, v.v..

Đặc biệt, từ trước năm 1945, bà là nữ diễn viên Việt Nam đầu tiên được hãng Intermondial Film (Pháp) mời đóng vai cô thôn nữ Việt Nam trong bộ phim "Mort en fraude" của đạo diễn Marcel Camus. Từ đó về sau bà đã đảm nhận nhiều vai diễn khác nhau. Trên lĩnh vực kịch nói, bà cũng tạo một tiếng vang lớn, thành công nhất qua các vai diễn hình ảnh người mẹ hiền hòa,

hy sinh vì chồng con trong các vở: Lá sầu riêng, Sắc hoa màu nhớ, Bông hồng cài áo, Nhân danh công lý, v.v.. Năm 1993, bà được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân. Bà mất năm 2004 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Người phụ nữ đầu tiên lập nhà in và nhà xuất bản

Đó là bà Phạm Thị Bạch Vân, người làng Thành Phố, tỉnh Gò Công (nay là thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang)

Năm 1921, bà lập nhà in và nhà xuất bản mang tên Nữ lưu thư quán tại số 12, đường Chủ Sự Thiều, làng Thành Phố, Gò Công với mục đích không chỉ đơn thuần là kinh doanh; mà còn nhằm truyền bá những tác phẩm tiến bộ, đặc sắc của nền văn học thế giới và nền văn học Việt Nam cho nhân dân ta, nhất là cho giới nữ, để giáo dục đạo đức, luân lý và nâng cao trình độ hiểu biết của mọi người.

Chính vì thế, bà đã quy tụ được nhiều nhà văn có uy tín ở trong nước lúc bấy giờ để dịch thuật những bộ truyện hay, những tác phẩm nổi tiếng của Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp và Việt Nam nhằm giới thiệu rộng rãi cho độc giả trong nước. Các tác phẩm Nữ tài tử, Tây sương ký, Hồng lâu mộng (Trung Quốc), Tiểu sử nhà cách mạng Gandhi (Ấn Độ), Truyền kỳ mạn lục, Chinh phụ ngâm, Kim Vân Kiều, Vân Tiên truyện (Việt Nam) và những bộ tiểu thuyết của các nhà văn Pháp, như Victor Hugo (Nhà thờ Đức bà Paris, Những người khốn khổ), René de Balzac (một số quyển trong bộ Tấn trò đời), Anatole France (Những khát vọng của Jean Servier, Lò quay của hoàng hậu Pédauque, Sự nổi loạn của những vị thiên thần), Alexandre Dumas cha (Ba chàng ngự lâm pháo thủ, Hầu tước Monte Cristo) Alexandre Dumas con (Trà hoa nữ, Giới thượng lưu), Émile Zola (Quán rượu, bà

thành phố nhỏ) ... đã lần lượt được xuất bản và được phát hành trên cả nước.

Năm 1930, lấy lý do Nữ lưu thư quán có những hoạt động có lợi cho cách mạng, nên chính quyền thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa nhà in và nhà xuất bản này. Tuy tồn tại có 9 năm, nhưng Nữ lưu thư quán đã có những đóng góp quan trọng vào nền học thuật nước nhà và gieo vào lòng nhân dân ta lòng yêu nước sâu đậm.

Cuộc khởi nghĩa lớn nhất ở Nam kỳ trong nửa sau thế kỷ XIX

Đó là cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo. Ông sinh năm 1820 tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1854, ông lập đồn điền Gia Thuận (Gò Công) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được phong chức Phó quản cơ. Năm 1859, ông chỉ huy dân quân đồn điền đánh Pháp ở mặt trận Thuận Kiều, lập được nhiều chiến công. Do đó, năm 1860 được thăng làm Quản cơ.

Cuối tháng 2 - 1861, ông rút quân về Gò Công, thành lập căn cứ kháng chiến Tân Hòa. Đây là trung tâm kháng chiến mạnh nhất ở Nam kỳ hồi bấy giờ, quy tụ hầu hết các phong trào yêu nước của cả khu vực. Từ đây, nghĩa quân đã liên tục tấn công quân địch khiến bọn chúng phải rút khỏi Gò Công vào tháng 3 - 1862. Đến tháng 6 - 1862, triều đình phong ông làm Lãnh binh tỉnh An Giang; đồng thời, buộc ông phải giải tán nghĩa quân và chấm dứt cuộc chiến đấu ở Gò Công. Thế nhưng, ông đã cưỡng lại lệnh vua; theo lòng dân, ở lại Gò Công, tự xưng là Bình Tây Đại tướng quân, tiếp tục chỉ huy cuộc kháng chiến; và nghĩa quân đã thu được những thắng lợi vang dội; nổi bật là cuộc tổng công kích nổ ra rất mãnh liệt trong tháng 12 - 1862, với các trận đánh vào đoàn tàu chiến của Pháp trên sông

Vàm Cỏ (Trảng Bàng, Tây Ninh), các trận công đồn Rạch Tra, cách Sài Gòn 15 km, đồn Phước Hòa, đồn Rạch Kiến, đồn Bến Lức (Long An), đồn Long Thành (Đồng Nai), trận đánh pháo thuyền Alarme và khu pháo binh ven rạch Gò Công (Tiền Giang), v.v...

Trước tình hình đó, tháng 2 - 1863, thực dân Pháp đã huy động lực lượng hùng hậu tấn công căn cứ Gò Công. Để bảo toàn lực lượng, ông cho rút quân qua Lý Nhơn (nay thuộc huyện Cần Giuộc, TP Hồ Chí Minh), lập căn cứ mới. Tháng 9 - 1863, quân Pháp mở cuộc đột kích vào căn cứ Lý Nhơn. Nghĩa quân phải phá vòng vây, trở về vùng Gò Công và chọn khu vực Đám lá tối trời ở hai làng Tân Phước và Kiểng Phước làm nơi ẩn náu, chờ thời cơ mới.

Cuộc đua xe đạp được tổ chức sớm nhất ở Tiền Giang

Năm 1863, ở Gò Công, chính quyền thực dân Pháp cho thành lập Nhà Bưu điện và điện tín có trụ sở đặt tại tỉnh lỵ và sáu Trạm bưu điện ở các xã Bình Xuân, Đồng Sơn, Long Hựu, Tăng Hòa, Tân Niên Tây, Vĩnh Lợi.

Mỗi Trạm Bưu điện chỉ có một nhân viên, mà dân gian quen gọi là Tuần giả. Việc nhận – phát công văn, thư tín, bưu phẩm, v.v... của các Trạm Bưu điện đều dựa vào đôi chân đi bộ của các Tuần giả.

Mãi đến đầu năm 1917, các Trạm Bưu điện mới được trang bị xe đạp. Khi đó, xe đạp rất cồng kềnh và nặng nề; bánh xe được làm bằng sắt và được bao bọc bằng cao su đặc, chứ chưa có vỏ và ruột cao su như hiện nay.

Đến ngày mừng ba Tết Nguyên Đán năm ấy, theo lệ hàng năm, ngoài cuộc đua ngựa ở vòng quanh ao Trường Đua; chính quyền còn tổ chức thêm cuộc đua xe đạp. Đây là cuộc đua mới lạ, lần đầu tiên xuất hiện ở

địa phương, nên thu hút đông đảo quần chúng đến dự khán.

Thành phần tham dự cuộc đua là 6 viên Tuần giả của 6 Trạm Bưu điện và 2 nhân viên thuộc cơ quan thông tin. Theo thể lệ quy định, tám vận động viên phải chạy hai vòng quanh ao Trường Đua với chiều dài tổng cộng là 6km và có ba giải thưởng : giải nhất 20 đồng (khoảng 70 gạo lúa), giải nhì 15 đồng (khoảng 55 gạo lúa) và giải ba 10 đồng (khoảng 40 gạo lúa).

Sau tiếng còi khai cuộc, tám vận động viên nhấn mạnh bàn đạp, lướt tới rất nhanh trong tiếng reo hò cổ vũ của bà con. Chạy được nửa vòng đua thứ nhất, có hai con ngựa sắt bị lạc tay lái, đâm nhào xuống ruộng, buộc phải bỏ cuộc. Sáu con còn lại tiếp tục cuộc đua. Được một vòng rưỡi, thêm một vận động viên phải rời đường đua vì kiệt sức. Còn lại năm tay đua thi nhau bứt phá hết sức quyết liệt. Khi còn khoảng 50 mét đến đích, chiếc xe của vận động viên dẫn đầu, bánh cao su bị tuột ra, kể như bị loại giữa lúc cuộc đua đang hồi gay gắt.

Cuối cùng, tay đua của trạm bưu điện Tân Niên Tây về đến đích đầu tiên, giành giải nhất chung cuộc và được mọi người hoan nghinh nhiệt liệt.

Mỹ Tho đại phố: Ngôi chợ được thành lập sớm nhất ở Tiền Giang

Đó là Mỹ Tho đại phố (chợ phố lớn Mỹ Tho) được thành lập năm 1679, tọa lạc tại thôn Mỹ Chánh. Vị trí của ngôi chợ này nằm ở bờ tả ngạn của vàm bên trái rạch Mỹ Tho, lọt khung giữa các con đường Nguyễn An Ninh, Nguyễn Huỳnh Đức, Trịnh Hoài Đức và Đinh Bộ Lĩnh, thuộc các phường 2, 3, 8 ngày nay (vàm này bị lấp khoảng năm 1934 – 1935).

Đây là ngôi chợ có hoạt động thương mại rất nhộn nhịp. Trong quyền Gia Định thành

thông chí, Trịnh Hoài Đức viết: “Chợ phố lớn Mỹ Tho có nhà ngói cột chạm, đình cao, chùa rộng, ghe thuyền ở các ngã sông biển đến đậu đông đúc, làm thành chốn đại đô hội, rất phồn hoa, huyền ảo”.

Sự sung thịnh của chợ Mỹ Tho chứng tỏ nền sản xuất nông nghiệp và kinh tế hàng hóa ở đây đã có những bước phát triển đáng kể; là một trong những đầu mối giao thương quan trọng bậc nhất ở Nam bộ; có tầm hoạt động rộng lớn, bao gồm trong khu vực, trên cả nước và quốc tế.

Trên cơ sở đó, năm 1781, chúa Nguyễn cho dời lỵ sở của dinh Trấn Định từ thôn Tân Hiệp (nay thuộc huyện Châu Thành) về thôn Mỹ Chánh – chợ Mỹ Tho. Từ đây, Mỹ Tho không chỉ là trung tâm kinh tế – thương mại, mà còn là trung tâm chính trị của địa phương.

Khoảng năm 1792, thêm một chợ Mỹ Tho nữa đã được hình thành. Chợ này do ông Dương Văn Tuyên lập, tọa lạc tại thôn Điều Hòa, nằm ở giữa bờ hữu ngạn của vàm bên trái và bờ tả ngạn của vàm bên phải rạch Mỹ Tho, thuộc phường 2 hiện nay. Vì thế, chợ Mỹ Tho được lập năm 1679 được gọi là chợ Cũ. Sau khi chiếm đóng Tiền Giang (1861), thực dân Pháp cho dời chợ Mỹ Tho mới (1792) về địa điểm chợ Mỹ Tho hiện nay, nằm ở bờ hữu ngạn của vàm bên phải rạch Mỹ Tho; và dân gian quen gọi đó là chợ Thành, thuộc phường 1, TP Mỹ Tho.

Kênh Bảo Định:

Con kênh được đào đầu tiên ở Nam Bộ

Trước khi có con kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Gù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai; và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc – nam, tức là từ

quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm Ất Dậu (1705), vâng lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân tiêu trừ quân Cao Miên, vì bọn này “phạm biên cảnh”. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Gù và rạch Mỹ Tho. Sau đó nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kênh, ghe thuyền có thể đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhảu hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang rồng; và về sau nó trở thành địa danh: chợ Thang Rồng ở Phú Kiết, Chợ Gạo.

Tuy nhiên, do đoạn kênh tại Thang Rồng có giáp nước nên thường bị bùn lầy làm cho nông cạn; vì thế, năm 1819, Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động 9.679 dân phu nạo vét kênh từ Thang Rồng đến Húc Đồng (Hóc Đùn) - bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14km). Công trình cải tạo kênh được tiến hành trong khoảng hơn 3 tháng; khởi công ngày 23-2-1819 và kết thúc ngày 28-5-1819.

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long đặt tên là kênh Bảo Định; và cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Rồng để “truyền mãi về sau”. Dưới thời Thiệu Trị (1841 - 1847), kênh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường; nhưng dân gian vẫn quen gọi là kênh Bảo Định hay kênh Trạm (vì có các trạm sông để chuyển công văn của triều đình, nên sau này, người Pháp gọi là kênh Bưu Điện – Arroyo de la Poste).

**Chùa Vĩnh Tràng: Ngôi chùa đẹp nhất
và có nhiều du khách đến
tham quan nhất Tiền Giang**

Năm 1849, hòa thượng Huệ Đăng đã vận động tín đồ góp công, góp của xây dựng chùa theo lối kiến trúc của chùa Giác Lâm ở Gia Định, nhưng to lớn hơn với 178 cây cột, 2 sân thiên tỉnh, 5 lớp nhà (chùa Giác Lâm có 98 cột, 1 sân thiên tỉnh, 3 lớp nhà). Năm 1907, hòa thượng Trà Chánh Hậu cho sửa chữa phần chánh điện. Năm 1930, hòa thượng Minh Đăng cho trùng tu toàn diện để chùa có diện mạo như ngày hôm nay. Lúc đầu, chùa có tên là Vĩnh Trường, xuất phát từ hai câu đối do chính hòa thượng sáng tác: “Vĩnh cửu đối sơn hà, Trường tồn tề thiên địa”. Nhưng về sau, chùa được gọi là Vĩnh Tràng.

Khác với những ngôi chùa truyền thống, chùa Vĩnh Tràng không có cổng tam quan; mà thay vào đó là hai cổng ra vào được xây dựng theo lối cổ lầu và được ốp bằng nhiều mảnh sành, sứ với những màu sắc khác nhau theo chủ đề long, lân, quy, phụng, ngư, tiên, canh, mục, hoa, điểu và các điển tích Phật giáo. Chùa được xây dựng theo dạng chữ “Quốc” của Hán tự, gồm có bốn gian là tiền đường, chánh điện, nhà tổ, nhà hậu, nối tiếp nhau. Riêng mặt trước của tiền đường thì được xây dựng theo lối kiến trúc dung hòa Âu – Á với những hàng cột thanh mảnh, vòm cong và hoa văn nhiều màu sắc. Trên nóc chùa có năm mái nhô cao, tượng trưng cho ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) theo quan niệm của phương Đông.

Tại gian chánh điện, chùa có 60 tượng quý, được tạo tác bằng đồng, gỗ, đất nung; và tất cả đều được thếp vàng rực rỡ; trong đó có giá trị nghệ thuật nhất là bộ tượng mười tám vị La hán được tạc từ gỗ mít vào năm 1909. Ngoài ra, chùa còn có bảy bộ bao lam tuyệt đẹp và chiếc đại hồng chung

được đúc vào năm 1854. Xung quanh chùa là những vườn cây cảnh trồng nhiều loại hoa thơm cỏ lạ, những hồ nước thơm ngát hương sen và những cây cổ thụ che trùm bóng mát, tạo nên sự hài hòa tuyệt vời giữa khung cảnh thiên nhiên với không gian kiến trúc, khiến chùa thêm cổ kính, thâm nghiêm.

Không chỉ có ý nghĩa tôn giáo và giá trị kiến trúc - nghệ thuật, chùa còn là nơi che giấu nhiều nhà yêu nước và cung cấp hậu cần cho phong trào cách mạng. Vì thế, chùa được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia, chùa Vĩnh Tràng tọa lạc tại xã Mỹ Phong, cách trung tâm thành phố Mỹ Tho khoảng 3km.

**Ban "Ca ra bộ" xuất hiện
đầu tiên ở Việt Nam**

Từ loại hình ca nhạc tài tử, vào năm 1910, ở Mỹ Tho, ông Nguyễn Tống Triều (Tư Triều) đã cho thành lập ban “ca ra bộ” mang tên của chính ông: Ban “ca ra bộ” Tư Triều. Đây là một loại hình âm nhạc – nghệ thuật lần đầu tiên được xuất hiện ở Việt Nam. “Ca ra bộ” là vừa ca, vừa ra điệu bộ phù hợp với lời ca.

Ban gồm có Tư Triều (đờn kim), Chín Quán (đờn độc huyền), Năm Diệm (đờn tỳ bà), Bảy Võ (đờn cò), Mười Lý (thỏ tiêu), cô Hai Nhiều – con ông Tư Triều (đờn tranh) và cô Ba Đắc (ca).

Cách bày trí sân khấu khá đơn giản, gồm một cái màn bạc được dùng làm bối cảnh; một bộ ván; một chiếc bàn chân cheo, trên có đỉnh trầm, đĩa trái cây và bình bông, được đặt trước bộ ván, vài chậu kiểng được đặt hai bên sân khấu. Các diễn viên và nhạc công đều mặc áo dài; riêng nam thì có thêm chiếc khăn đóng.

Khi biểu diễn, tất cả các nhạc công đều ngồi trên bộ ván; còn người ca thì đứng cạnh đó. Bài “ruột” của ban Tư Triều là bản

tứ đại oán “Bùi Kiệm gheo Nguyệt Nga”. Mỗi khi trình diễn bản này, cô Ba Đắc vừa ca vừa ra điệu bộ của ba nhân vật là Bùi Ông, Bùi Kiệm và Nguyệt Nga. Lối diễn tấu mới này đã chinh phục được đông đảo khán giả, bởi sự mới mẻ, sinh động và hấp dẫn của nó. Vì thế, ban đã được mời đi biểu diễn ở nhiều nơi, nhất là ở Sài Gòn, kể cả ở Pháp.

Theo nhiều nhà nghiên cứu, “ca ra bộ” là tiền thân của nghệ thuật cải lương hiện nay.

Rạp Thầy Năm Tú: Rạp hát cải lương đầu tiên ở Việt Nam

Châu Văn Tú còn gọi là thầy Năm Tú hay Pierre Tú, người xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Vốn sinh ra ở vùng đất có truyền thống âm nhạc, nên ông rất say mê nghệ thuật cải lương.

Khoảng năm 1917, ông xuất tiền mua lại gánh “ Xiết và Ca ra bộ An Nam Trẻ” của André thuận do ông này kinh doanh nghệ thuật bị thua lỗ và thành lập gánh hát thầy năm Tú. Ông đã tuyển thêm đào kép mới, thuê họa sĩ vẽ tranh phong cảnh để làm phông (Fond), phông theo lối trang trí của các rạp hát Tây ở Sài Gòn và mua sắm y phục đẹp cho đào kép. Đồng thời, ông còn mời Trương Duy Toàn - một nhà yêu nước, từng hoạt động trong phong trào Duy Tân - soạn tuồng. Ông cũng xây dựng một rạp hát vào đầu năm 1918 ở gần chợ Mỹ Tho để gánh biểu diễn. Đây là rạp hát cải lương đầu tiên ở nước ta. Trước kia các gánh hát thường biểu diễn ở đình, miếu hoặc che dựng tạm thời, hát xong dẹp bỏ.

Rạp thầy Năm Tú có sân khấu rộng và cao; bố trí hệ thống rờng rọc để theo dõi phông màu; hai bên sân khấu có treo nhiều lớp cánh gà; có hệ thống ánh sáng theo sự điều khiển hàng đêm của thầy tuồng. Rạp có hai tầng, ghế chia theo thứ hạng, đặc biệt trên lầu cạnh hai bên sân khấu được chia thành từng “lô” dành cho khách quan trọng.

Mỗi tối trước khi khai diễn, ông bài ra tiết mục “tableau vivant” nhằm giúp khán giả nhìn mặt toàn thể diễn viên của gánh sẽ diễn trong đêm hát.

Có rạp hát cố định, kang trang và hiện đại; lại có tiềm lực tài chánh hùng hậu, trình độ quản lý chặt chẽ, thu hút được nhiều diễn viên giỏi (Tám Củi, Sáu Nhiêu, Tám Danh, Phùng Há, Năm Châu...), tuồng tích đặc sắc; nên gánh hát của ông là một trong những gánh cải lương nổi tiếng nhất lúc bấy giờ. Rạp thầy Năm Tú hiện nay vẫn còn, mang tên là rạp Tiền Giang, tọa lạc trên đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Nguồn: <http://www.tiengiang.gov.vn>